

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Địa chỉ: Yên Phú, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội

SĐT: (024) 36866506 Fax: (024) 36866507 Website: www.vantailienninh.vn



THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU:

Họ và tên Đại biểu:

Số cổ phần sở hữu : cổ phần.

Số cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết: cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

DỰ THẢO



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

*(Được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần
Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh thông qua ngày /4/2021)*

Tháng 4/2021

MỤC LỤC

Contents

CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
Điều 6. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong công ty.....	7
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần.....	7
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Hình thức và Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	15
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	18
CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 27: Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan.....	22
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị....	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	27
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	27
CHƯƠNG VI. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	27
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 34. Người điều hành Công ty..	27
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc công ty	28
CHƯƠNG VII. BAN KIỂM SOÁT	29
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	29
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	29
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	30
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	31
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	32
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	32
Điều 42. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	32
CHƯƠNG VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..	33
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
CHƯƠNG IX. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	34
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	34
CHƯƠNG X. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	35
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	35
CHƯƠNG XI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	35
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	35
CHƯƠNG XII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	36
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	36
Điều 49. Năm tài chính.....	36
Điều 50. Chế độ kế toán.....	36
CHƯƠNG XIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	37

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	37
Điều 52. Báo cáo thường niên	37
CHƯƠNG XIV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	37
Điều 53. Kiểm toán.....	37
CHƯƠNG XV. DẤU CỦA CÔNG TY.....	38
Điều 54. Dấu của công ty.....	38
CHƯƠNG XVI. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	38
Điều 55. Giải thể công ty.....	38
Điều 56. Thanh lý.....	38
CHƯƠNG XVII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	39
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
CHƯƠNG XVIII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 58. Bổ sung, sửa đổi điều lệ công ty.....	39
CHƯƠNG XIX. HIỆU LỰC.....	39
Điều 59. Hiệu lực của bản điều lệ này.....	39

CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty;
- Người quản lý công ty: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Giám đốc công ty, Phó Giám đốc công ty và Kế toán trưởng công ty;
- Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- Công ty : là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh
- Điều lệ : là bản Điều lệ này
- Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Điều lệ, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Tên tiếng Anh: LIEN NINH TRANSPORT AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

2. Hình thức pháp lý: Công ty Cổ phần.

3. Địa chỉ trụ sở Công ty: Km 15 + 200 QL1A, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (024) 36.866.504

Fax: (024) 36.866.507

- Email: BLN@gmail.com.vn - Website:

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 58, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải bằng xe buýt	4920
2	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải	3315
3	Sửa chữa và bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	4520
4	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
4.1	<i>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh</i>	<i>49321</i>
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
6	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
7	Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (<i>trừ vận tải bằng xe buýt</i>)	4931
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	Xây dựng công trình công ích	4220
10	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
12	Cho thuê xe có động cơ	7710
13	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13.1	<i>Cụ thể</i>	<i>43290</i>
14	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
16	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...) (<i>không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường</i>)	5621
17	Dịch vụ ăn uống khác (<i>không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường</i>)	5629
18	Bốc xếp hàng hóa	5224
19	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác:	4530
19.1-	Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	45301
19.2	Chi tiết: Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (<i>loại 12 chỗ ngồi trở xuống</i>)	45302
19.3	Chi tiết: Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	45303
20	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
20.1	Chi tiết: Bán buôn ô tô con (<i>loại 12 chỗ ngồi trở xuống</i>)	45111
20.2	Chi tiết: Bán buôn xe có động cơ khác	45119

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng nâng cao lợi ích bền vững của Công ty, các cổ đông và người lao động thông qua những đóng góp giá trị vào sự phát triển của xã hội

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam khi đã thực hiện đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 6. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật.
2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là : **50.000.000.000** đồng (*Năm mươi tỷ đồng*).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh được chia thành 5.000.000 (*Năm triệu*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Toàn bộ là cổ phần phổ thông.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật về Chứng khoán.
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu (có thể được cấp dưới dạng bút toán ghi sổ, dữ liệu điện tử) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu do Công ty phát hành được điều chỉnh theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, trừ các cổ phần nêu tại khoản 2 điều này.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban Kiểm soát
4. Giám đốc.

CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của pháp luật và các quy định tại điều lệ này;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông (thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp) trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử ứng viên vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo tỷ lệ như sau:

a) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một ứng viên;

b) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai ứng viên;

c) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba ứng viên;

d) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn ứng viên;

e) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

5. Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Công ty nếu đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này.

6. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều 166 Luật doanh nghiệp.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Các nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các luật có liên quan.

2. Gửi Giấy xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội cổ đông, Giấy ủy quyền (nếu có), và kiến nghị về Chương trình, nội dung cuộc họp cho Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp

3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này (trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba)

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Đại hội cổ đông gây ra.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Ban kiểm soát gây ra.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a; b; c Khoản 4 Điều này được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

đ) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f) Quyết định đầu tư, góp vốn liên doanh, mua cổ phần doanh nghiệp khác với giá trị lớn hơn 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- i) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- j) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

n) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, điều lệ công ty

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ Công ty.

a) Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% (mười phần trăm) được ủy quyền cho 01 người tham dự họp

b) Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% (mười phần trăm) đến 35% (ba lăm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền đến 03 người tham dự họp.

c) Cổ đông sở hữu từ 35% (ba lăm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ủy quyền đến 05 người tham dự họp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu của công ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được

lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (*hai mốt*) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (*ba*) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường

hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và các luật có liên quan

2. Trường hợp Công ty tổ chức hoặc kết hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thì trình tự, thủ tục được thực hiện theo quy chế về họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử và các quy định của công ty có liên quan.

Điều 20. Hình thức và Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp) hoặc ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp) hoặc ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 Điều này;

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 (hai tư) giờ (kể từ ngày Nghị quyết được thông qua).

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% (năm một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ những trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;

- d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 25 Điều lệ này.
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc

họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ.

Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản về việc họp nhóm cho Ban Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông biết trước chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc hoặc thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc (trong trường hợp thực hiện đề cử tại cuộc họp).

Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị nếu xét thấy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều này

Việc đề cử, ứng cử phải được thông báo bằng văn bản và gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử về Ban Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Các trường hợp đề cử, ứng cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

3. Trường hợp số lượng ứng viên thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm).

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế trong thời hạn của nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: gồm thành viên Hội đồng quản trị điều hành và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, trong đó tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận
- c) Theo quyết định của cơ quan đại diện vốn
- d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trừ trường hợp triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất

6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị bao gồm:

- a) Đề xuất, kiến nghị để Đại hội đồng cổ đông quyết định các nội dung sau ::
 - Định hướng phát triển của Công ty ;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Mức cổ tức chi trả hàng năm
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty ;

- Tổ chức lại, giải thể công ty, yêu cầu tuyên bố phá sản;
- Tổng mức thù lao và thưởng (nếu có) hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát ;
- Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chính, cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và người đại diện pháp luật của Công ty ;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ;
- Các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ công ty

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại ; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác ;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty

e) Quyết định mua lại cổ phần (kèm theo giá mua) không quá 10%(mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của từng loại trong thời hạn 12 tháng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này ;

f) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ ;

g) Quyết định đầu tư, mua – bán tài sản, vay – cho vay hoặc các giao dịch khác có giá trị từ 03 tỷ đồng đến dưới 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

h) Chấp thuận các đầu tư, giao dịch mua sắm có giá trị từ trên 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng và hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này

j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định mức thù lao và các lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng Quản trị trên cơ sở tổng mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia quản lý phần vốn của Công ty tại Công ty khác và quyết định mức thù lao, các lợi ích khác của người đó

l) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc ký hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động; khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, thù lao và các lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và tương đương;

m) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý, điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty ;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định ;

o) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông

p) Quyết định thời gian và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Giám sát việc chi trả cổ tức;

q) Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

r) Đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ;

s) Được sử dụng tài sản, con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật ;

t) Được quyền yêu cầu và được biết các báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, của các đơn vị trong Công ty từ các cá nhân có liên quan (bao gồm : Giám đốc Công ty, người quản lý khác và cán bộ phụ trách) theo chế độ báo cáo định kỳ thường xuyên.

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý công ty trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có).

d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

e) Kết quả giám sát đối với Giám đốc.

f) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

g) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 27: Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người có liên quan của họ.

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (*Ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký Hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (*mười phần trăm*) tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% (*năm một phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 25 Điều lệ này.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế hoặc bầu một người thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu được quá nửa các thành viên còn lại tán thành) Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn

khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc phụ trách công việc của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tuyển dụng Thư ký công ty để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Thư ký công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 02 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản hoặc ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (*nếu thấy cần thiết*) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp ;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp ;
- c) Thời gian, địa điểm họp ;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp ; cách thức dự họp; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do ;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp ;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến ;
- h) Các vấn đề đã được thông qua ;

i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp. Chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên tham dự ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Các tiểu ban này phụ trách về các vấn đề liên quan đến chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định nhưng đảm bảo tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật:

CHƯƠNG VI. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty, gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh này phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

Giám đốc Công ty là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Những người điều hành khác thực hiện việc điều hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, sự phân công và ủy quyền của Giám đốc Công ty.

2. Theo đề nghị của Giám đốc, Hội đồng quản trị bổ nhiệm, tuyển dụng người điều hành khác với số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc công ty.

2. Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ và tuân thủ pháp luật ;
- b) Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc thông qua ;
- c) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị ;
- d) Quyết định đầu tư, các hợp đồng mua bán tài sản hoặc giao dịch khác phục vụ hoạt động SXKD của Công ty có giá trị đến 01 (một) tỷ đồng hoặc một giá trị khác cao hơn theo sự phân cấp, ủy quyền hoặc sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định các Hợp đồng vay, cho vay nhưng tổng của các Hợp đồng không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng;
- f) Ký các Hợp đồng, các giao dịch sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- g) Đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc quyết định :
 - Mục tiêu, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn và hàng năm của Công ty ;
 - Phương án huy động vốn, sử dụng vốn và tài sản của Công ty để thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị ;
 - Phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty ;

- Phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc Công ty. ;
 - Các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ của Công ty ;
 - Phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh ;
- h) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động ; Khen thưởng, kỷ luật và quyết định các mức lương, lợi ích khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc và tương đương ;
- i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động; Khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, các lợi ích khác đối với chức danh Phó các đơn vị trực thuộc và tương đương sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận ;
- j) Tuyển dụng, sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động; Khen thưởng, kỷ luật và chấm dứt Hợp đồng lao động người lao động theo quy định của pháp luật, của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các người quản lý khác theo thẩm quyền, người lao động trong Công ty ;
- k) Thừa ủy quyền Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty. Được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp: Thiên tai, địch họa, hỏa hoạn và các sự cố khác và chịu trách nhiệm về quyết định này đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị biết;
- l) Được quyền ủy quyền cho các Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác, người điều hành khác thay mặt mình để giải quyết một số công việc của Công ty.
- m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị ;

4. Giám đốc công ty có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật
- b) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận
- c) Theo quyết định của Hội đồng quản trị khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

CHƯƠNG VII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc người khác không phải là Cổ đông có quyền ứng cử vào thành viên Ban Kiểm soát nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên.

a) Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm.

b) Kiểm soát viên do Đại hội Đồng cổ đông bầu và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

đ) Không thuộc các trường hợp sau: Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Theo Quyết định của cơ quan đại diện vốn hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm đến 03 (ba) lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của pháp luật

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

d) Điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 46 Điều lệ công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc người điều hành khác và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có).

- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương/thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương/thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; Không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1; 2; 3 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

5. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (*ba lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% (*ba lăm phần trăm*) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (*ba lăm phần trăm*) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý, người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, từ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG X. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc công ty lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi :

- a) Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c) Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu;

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên phải được công bố trên website của Công ty.

Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XV. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 54. Dấu của công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

1. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Công ty không đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- d) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp các bên không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XVIII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung, sửa đổi điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này chỉ được thực hiện khi được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Các nội dung chưa được đề cập trong bản Điều lệ này thì áp dụng những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu chưa có quy định của pháp luật thì do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

CHƯƠNG XIX. HIỆU LỰC

Điều 59. Hiệu lực của bản điều lệ này

1. Bản Điều lệ này gồm 19 (mười chín) Chương, 59 (năm mươi chín) Điều, Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tại cuộc họp thường niên vào ngày tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành 03 (ba) bản, có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại trụ sở công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ngày ... tháng... năm...
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	3
Điều 4: Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên.....	4
Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	4
Điều 7: Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	6
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	6
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	7
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	8
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	9
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	10
Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	10
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 22. Sửa đổi, bổ sung.....	11
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	11

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên, cơ chế hoạt động, giám sát của Ban Kiểm soát và mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
4. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 4: Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) Kiểm soát viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 7: Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Việc đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được thực hiện như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ đủ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ đủ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ đủ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng viên; từ đủ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản về việc hợp nhóm cho Ban Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông biết trước chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc hoặc thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc (trong trường hợp thực hiện đề cử tại cuộc họp).

b. Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền ứng cử vào thành viên Ban Kiểm soát nếu xét thấy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định .

c. Việc đề cử, ứng cử nêu trên phải được thông báo bằng văn bản và gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử về Ban Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 03 (ba) ngày

làm việc trước ngày khai mạc. Các trường hợp đề cử, ứng cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

d. Trường hợp số lượng ứng viên thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại điểm a,b nêu trên vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

2. Trường hợp không được đề cử người vào Ban kiểm soát:

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Đối với các trường hợp miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Điều lệ công ty;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Theo Quyết định của cơ quan đại diện vốn hoặc cơ quan có thẩm quyền.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Vi phạm từ 03 (ba) lần hoặc vi phạm nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới lợi ích của Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, công ty thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.
2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- g) Các thông tin khác (nếu có)..
- h) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thông báo trên trang thông tin điện tử của công ty, báo cáo và công bố thông tin tới Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định được thông qua.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp, Điều 39 Điều lệ công ty.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.
- c) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát trong trường hợp Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định đối với các trường hợp tại Khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
- 2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.
2. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có).
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.
2. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.
3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.
4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.
5. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
6. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
5. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

6. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm VII chương, 23 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh thống nhất thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Minh Chi



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

(Ban hành kèm theo Nghị quyếtsố ngàythángnăm 2021)

Tháng..... /2021

Quy chế Hội đồng quản trị

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT, tuân thủ Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt sử dụng trong quy chế này

1. Trong bản Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - *Người quản lý công ty*: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Giám đốc công ty, Phó Giám đốc công ty và Kế toán trưởng công ty;
 - *Người có liên quan* theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - *Công ty*: là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh.
 - *HĐQT*: là Hội đồng Quản trị của Công ty.
 - *ĐHĐCĐ*: là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
 - *Điều lệ Công ty*: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
 - *Luật doanh nghiệp*: là Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, ĐHĐCĐ về lĩnh vực được phân công và có trách nhiệm chung đối với sự phát triển của Công ty.
2. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT phải được thảo luận và chỉ có hiệu lực thi hành khi được đa số thành viên HĐQT biểu quyết thông qua.
3. Khi thực hiện nhiệm vụ được phân công, các thành viên HĐQT phải xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng, phải tuân thủ *Điều lệ Công ty*, quy chế nội bộ về quản trị Công ty và pháp luật hiện hành.
4. HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. HĐQT có đầy đủ quyền và trách nhiệm được quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế quản trị nội bộ công ty và Pháp luật hiện hành.
2. Thành viên HĐQT có các nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 26/06/2017 của Chính Phủ, Điều lệ công ty, các quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Thủ tục cung cấp thông tin, như sau:
 - Thành viên HĐQT yêu cầu người quản lý cung cấp thông tin, tài liệu bằng các phương tiện sau: Bằng văn bản (bản cứng) hoặc bằng fax/ email. Trong trường hợp cần thiết, thành viên HĐQT có thể yêu cầu người quản lý tham gia và cung cấp thông tin tại cuộc họp HĐQT .
 - Người quản lý có trách nhiệm gửi đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu cho thành viên HĐQT theo yêu cầu và lưu trữ một (01) bản sao tài liệu đã cung cấp tại trụ sở chính của Công ty. Người quản lý chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu đó.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty. Tại thời điểm thông qua quy chế này HĐQT có 05 (năm) thành viên: 01 (một) Chủ tịch và 04 (bốn) Ủy viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT .
4. Việc phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty từng giai đoạn.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật;
2. Thành viên HĐQT không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
3. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu trong số các thành viên HĐQT. Các nội dung liên quan đến Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy chế quản trị nội bộ
2. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Ứng cử, đề cử và bầu thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ đủ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ đủ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ đủ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng viên; từ đủ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

Việc đề cử, ứng cử người vào HĐQT thực hiện như sau:

Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo bằng văn bản về việc hợp nhóm cho Ban Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ biết trước chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc hoặc thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc (trong trường hợp thực hiện đề cử tại cuộc họp).

- Cổ đông sở hữu từ 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền ứng cử vào thành viên HĐQT nếu xét thấy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty
 - Việc đề cử, ứng cử phải được thông báo bằng văn bản và gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử về Ban Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Các trường hợp đề cử, ứng cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trường hợp số lượng ứng viên thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
 - Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 26 Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. HĐQT thông qua quyết định theo cách thức được quy định tại Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ . Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc chấp thuận giao dịch

1. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
2. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp mà có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
3. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định của Luật doanh nghiệp. Cụ thể:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b) Số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường phải tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HĐQT

Điều 14. Cuộc họp HĐQT

Cuộc họp HĐQT được quy định cụ thể tại Điều 30 Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu theo Điều 30 của Điều lệ Công ty:
2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT chuẩn bị hoặc phân công người chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình bày tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b) Báo cáo tài chính kiểm toán;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
 3. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu tại trụ sở chính Công ty trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.
 4. Ngoài ra báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp, Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ công ty.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty trả thù lao, thưởng và các quyền lợi khác cho thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Thù lao, thưởng và các quyền lợi khác cho thành viên HĐQT phải được báo cáo và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. HĐQT phải chỉ đạo Công ty tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty.
2. Thành viên HĐQT của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp;

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc

tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban Giám đốc Công ty

1. HĐQT giao, ủy quyền cho Ban Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt theo quy định (Sau đây gọi chung là Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT).
2. HĐQT chỉ đạo, kiểm tra và giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định ĐHĐCĐ, HĐQT.
3. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Ban Giám đốc Công ty cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
4. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Trong trường hợp không đồng ý với Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty vẫn có trách nhiệm triển khai thực hiện nhưng được quyền bảo lưu ý kiến của mình và trình ĐHĐCĐ xem xét trong phiên họp gần nhất.
5. Ban Giám đốc có trách nhiệm định kỳ báo cáo kết quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
6. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm được giao, thành viên HĐQT và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kết quả hoạt động của mình và những kiến nghị cần thiết tới HĐQT theo quy định và theo yêu cầu của HĐQT.
3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
4. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 22. Mối quan hệ với các tổ chức Đoàn thể

HĐQT luôn giữ mối quan hệ và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty được thành lập, hoạt động theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ tổ chức, hoạt động của tổ chức đó.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.
2. Các nội dung không được quy định trong Quy chế này hoặc khi Pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định tại Quy chế này không phù hợp, sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
3. Mọi hoạt động của HĐQT không được trái với quy chế này, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty và pháp luật có liên quan./.

T.M. HĐQT

CHỦ TỊCH

Ngô Xuân Phú

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt sử dụng trong quy chế này	2
Điều 3. Nguyên tắc làm việc của HĐQT	2
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HĐQT.....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT.....	3
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT	3
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT.....	3
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, Chủ tịch Hội đồng quản trị	3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT.....	4
Điều 9. Ứng cử, đề cử và bầu thành viên HĐQT.....	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	5
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT.....	6
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc chấp thuận giao dịch	6
Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường.....	7
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HĐQT	7
Điều 14. Cuộc họp HĐQT.....	7
Điều 15. Biên bản họp HĐQT.....	7
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	7
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	7
Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	8
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	8
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT.....	8
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT.....	8
Điều 20. Mối quan hệ với Ban Giám đốc Công ty.....	9
Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	9
Điều 22. Mối quan hệ với các tổ chức Đoàn thể.....	10
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	10
Điều 23. Hiệu lực thi hành	10



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

DỰ THẢO



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*(Được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần
Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh thông qua ngày 23/4/2021)*

Tháng 4/2021

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này thiết lập các nguyên tắc và chuẩn mực liên quan đến Cổ đông, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Kiểm soát (BKS), Giám đốc, thành viên Ban giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo điều lệ công ty.

2. Quy chế này được áp dụng đối với:

- a) Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông;
- b) Người quản lý công ty: Thành viên HDQT, BKS, thành viên Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng.
- c) Người có liên quan của các cá nhân là người quản lý Công ty.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ

ĐHCĐ có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan, được quy định tại các Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh.

2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- b) Thông báo mời họp đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên Website của Công ty; Công ty cũng có thể gửi thêm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bằng phương thức khác tới các cổ đông;

3. Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự cuộc họp, Giấy ủy quyền (nếu có) và văn bản kiến nghị về Chương trình, nội dung cuộc họp cho Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.
- b) Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Khi dự cuộc họp, cổ đông phải mang Giấy tờ pháp lý và Thông báo mời họp.
- c) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định của Ban Tổ chức. Mỗi Cổ đông dự họp được cấp 1 Phiếu biểu quyết, trên đó ghi họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần, tổng số phiếu biểu quyết và số phiếu bầu cử của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết được Công ty in và đóng dấu treo .



- d) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Thông qua nghị quyết và công bố nghị quyết
- a) Biểu quyết: Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.
- b) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và đăng lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 (hai tư) giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
- a) Các trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản: Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định tại khoản 1, 2 Điều 21 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
- b) Trình tự thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.
- c) Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
- d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Các quy định liên quan đến Hội đồng quản trị được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Cuộc họp Hội đồng quản trị
 - a) HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - b) Kiểm soát viên được quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

- c) Các vấn đề sau đây, khi quyết định cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị:
 - Phê chuẩn kế hoạch chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
 - Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc.
 - Tái tổ chức hoặc giải thể công ty.
 - Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.
 - d) Với các nội dung khác, tùy tình hình thực tế, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên thông qua các hình thức sau:
 - Bằng văn bản: thành viên Hội đồng quản trị được gửi Thông báo lấy ý kiến, kèm theo các tài liệu có liên quan đến vấn đề cần biểu quyết thông qua.
 - Bằng fax hoặc thư điện tử.
 - Bằng điện thoại.
 - Bằng trực tuyến (khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau), việc lấy ý kiến bằng trực tuyến phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - + Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác phát biểu trong cuộc họp;
 - + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - + Thảo luận trực tiếp giữa các thành viên qua phương tiện điện tử.
 - e) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua trực tuyến hoặc qua điện thoại có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.
 - f) Các vấn đề được thông qua khi lấy ý kiến biểu quyết bằng các hình thức nêu trên chỉ có hiệu lực thi hành khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và phải hợp thức bằng việc lập Biên bản xác nhận, có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị tham dự.
 - g) Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị: Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề, quyết nghị trên cơ sở đa số phiếu biểu quyết dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
 - h) Ủy quyền tham dự cuộc họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT khi được đa số các thành viên HĐQT chấp thuận
 - i) Lập Biên bản họp Hội đồng quản trị, thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

6083
 ĐNG 1
 S PHÁ
 VÀ D
 N NH
 RI - T

- a) Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty.
- b) Hội đồng quản trị sẽ quy định cách thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Tiểu ban, từng thành viên trong Tiểu ban và quyết định lợi ích của từng thành viên trong Tiểu ban thông qua quy chế nội bộ của Tiểu ban hoặc các quyết định thành lập tại từng thời điểm.

Điều 4 Người phụ trách quản trị công ty

- a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- b) Tiêu chuẩn, điều kiện Người phụ trách quản trị Công ty
 - Là người có hiểu biết về pháp luật, có đủ năng lực để đảm nhận nhiệm vụ
 - Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
- c) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty trong trường hợp sau:
 - Có đơn xin từ nhiệm
 - Không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Quy chế này
 - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao
 - Các trường hợp khác theo quyết định của HĐQT
- d) Hội đồng quản trị quyết định mức lương/thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty được thanh toán các chi phí liên quan đến hoạt động của HĐQT. Chi phí này được hạch toán vào chi phí hoạt động của HĐQT theo quy định.
- e) Công ty phải công bố thông tin trong nội bộ, cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.
- f) Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc công ty trong việc quản lý, điều hành công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát; Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ Công ty
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Kiểm soát viên do ĐHCĐ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Số lượng Kiểm soát viên là 03 (ba) người, trong đó 01 Trưởng ban và 02 Kiểm soát viên. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
5. Cách thức bầu Kiểm soát viên: việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.
6. Công ty phải công bố thông tin trong nội bộ, cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.
7. Các quy định khác liên quan đến Ban kiểm soát và kiểm soát viên: thực hiện theo quy định tại điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

Điều 6: Giám đốc Công ty

1. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT, miễn nhiệm hoặc ký Hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động. Thời hạn bổ nhiệm của Giám đốc Công ty là 05 (năm) năm và được bổ nhiệm lại với thời hạn không hạn chế.
3. Giám đốc Công ty phải đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2020.
4. Giám đốc công ty có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp được quy định tại Khoản 6 Điều 35 Điều lệ công ty. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc Công ty: được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Tiền lương và các lợi ích khác của Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo hiệu quả công việc.

Điều 7: Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty

1. Hoạt động phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc công ty phải đảm bảo nguyên tắc: luôn vì lợi ích chung của Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, chủ động nhằm tạo điều kiện để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, và các quy chế nội bộ Công ty.
2. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty được thực hiện khi xét thấy cần thiết để triển khai, xem xét, đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ của công ty. Người triệu tập (đúng thẩm quyền) phải gửi thông báo mời họp tới toàn thể các thành viên; phân công người chuẩn bị nội dung và ghi biên bản họp.
3. Giám đốc, Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định.
4. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi cho Giám đốc Công ty và Ban Kiểm soát. Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện các Nghị



quyết, quyết định Hội đồng quản trị theo quy định. Trong trường hợp không đồng ý với Nghị quyết, quyết định đó, Giám đốc Công ty vẫn có trách nhiệm triển khai thực hiện nhưng được quyền bảo lưu ý kiến của mình và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trong phiên họp gần nhất. Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát việc thực hiện.

5. Bên cạnh các báo cáo định kỳ, Giám đốc công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin hoặc báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về tình hình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .

Điều 8. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

- Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất hình thức và mức thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc theo và người quản lý khác và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên

- Hình thức khen thưởng: Bằng tiền; Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

- Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác của Công ty

2. Xử lý vi phạm

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và người quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

Điều 9: Tổ chức thực hiện

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh gồm 09 Điều và được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh thống nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2021.

Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được lập thành văn bản và được Đại hội đồng cổ đông thông qua mới có hiệu lực thi hành

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Xuân Phú



BÁO CÁO SXKD 2020 VÀ KẾ HOẠCH 2021

-----oO-----

DỰ THẢO

Ban giám đốc Công ty xin báo cáo, trình Đại hội đồng Cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021 như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. CÁC CHỈ TIÊU KẾT QUẢ SXKD CHÍNH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2020	TH 2020	% TH/KH 2020
I	SẢN LƯỢNG XE BUÝT				
1	Số lượt vận chuyển	lượt	380,812	379,208	99.58
2	Km hành trình	km	7,903,520.33	7,902,574.15	99.99
3	Khách vé lượt	HK	3,245,178	2,877,467	88.67
4	Khách vé tháng:	HK	12,661,388	9,853,170	77.82
II	DOANH THU		164,689,000,000	158,740,939,076	96.39
1	Doanh thu buýt		139,619,000,000	129,502,883,000	92.75
2	Doanh thu chi nhánh d.vụ		12,890,000,000	12,040,069,692	93.41
3	Doanh thu khác	Đồng	12,180,000,000	17,197,986,384	141.20
III	CHI PHÍ	Đồng	164,576,000,000	160,968,274,088	97.81
1	Chi phí TT	Đồng	116,237,000,000	109,415,519,151	94.13
2	Chi phí khấu hao	Đồng	19,673,000,000	28,610,477,656	145.43
3	Chi phí lãi vay	Đồng	9,955,000,000	9,566,740,837	96.10
4	Chi phí quản lý	Đồng	11,342,000,000	8,811,577,316	77.69
5	Chi phí gián tiếp	Đồng	7,369,000,000	4,563,959,128	61.93
IV	Thu nhập khác	Đồng		2,573,487,206	
V	Chi phí khác	Đồng		119,861,885	
VI	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	113,000,000	346,152,194	306.33
VII	Hiệu quả (LN+KH)	Đồng	19,786,000,000	28,956,629,850	146.35

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG BUÝT

a) Luồng tuyến – phương tiện

a1) Các tuyến buýt do Công ty vận hành trong năm 2020:

Tuyến	Lộ trình tuyến	Cự ly (Km)	Km cả năm	SL xe	Chủng loại phương tiện
8A	Long Biên - Đông Mỹ	18,75	1,051,203	14	Thaco-TB94
8B	Long Biên - Vạn Phúc (T.Tri)	20,9	724,189	10	Daewoo BC095
9A	Bờ Hồ - Khu liên cơ (Hồ Tây)	12,5	650,029	8	16 xe BC095 và 02 xe TB94
9B	Bờ Hồ - Bến xe Mỹ Đình	15,5	733,478	10	
19	Trần Khánh Dư – Học viện chính sách & PT (An Khánh)	26,35	1,563,422	17	Samco BGQ5
37	BX Giáp Bát – Chương Mỹ	22,9	1,251,751	16	
21A	Bx Giáp Bát - Bx Yên Nghĩa	16,3	1,049,064	14	Tracomeco B76D
21B	KĐT Pháp Vân - Bx Mỹ Đình	18,35	913,278	12	
Cộng			7,936,417	101	

a2) Tình hình hoạt động:

- Ngay từ đầu năm 2020 với ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động xe buýt bị ảnh hưởng nghiêm trọng: Theo yêu cầu của QLNN: ngày 27/3/2020 giảm tần suất dịch vụ xe buýt còn 20% lượt xe; từ 28/3 – 22/04 xe buýt dừng hoạt động; từ ngày 23/4 đến 03/5 hoạt động 20% tần suất dịch vụ so với các chỉ tiêu thầu. Bên cạnh đó, Chính sách miễn phí đi xe buýt cho người cao tuổi của Thành phố đã trực tiếp và gián tiếp làm giảm doanh thu vé lượt và vé tháng xe buýt.

Tình hình giao thông diễn biến phức tạp, ùn tắc giao thông trên các tuyến xe buýt vận hành cũng gây khó khăn cho việc duy trì chất lượng và sản lượng vận chuyển.

Toàn bộ khó khăn nêu trên đã khiến chỉ tiêu sản lượng, doanh thu bán vé phục vụ hành khách bị sụt giảm nghiêm trọng so với chỉ tiêu thầu. Mặc dù đã triển khai nhiều giải pháp thị trường nhưng tổng doanh thu hành khách cả năm bị hụt 23 tỷ so với chỉ tiêu theo hợp đồng thầu. Sau khi được Sở GTVT điều chỉnh giảm chỉ tiêu do yếu tố bất khả kháng, doanh thu thực hiện cả năm vẫn thiếu hụt 9,7 tỷ đồng so với chỉ tiêu.

a3) Công tác phát triển thị trường:

- Trong năm, Công ty đã triển khai kéo dài lộ trình tuyến 19 vào Học viện Chính sách & Phát triển từ 12/9/2020 (trước đó, điểm cuối là Vinhomes Thăng Long) tăng thêm 2,2 Km, tương đương tăng 8,3 % khối lượng cho tuyến;

- Cuối năm 2020, Công ty trúng thầu tuyến mini buýt “Bx Thường Tín – Bx Tế Tiêu” (Công ty đã tổ chức vận hành từ 27/2/2021).

b) Hoạt động đầu tư, đổi mới phương tiện:

- Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện đầu tư thay mới phương tiện nhằm hợp lý hóa cơ cấu đoàn phương tiện và đáp ứng yêu cầu vận hành của tuyến: Cụ thể như sau:
 - + 13 xe Samco BGQ5-E4 cho tuyến 37; (tổng biên chế cho tuyến 37 là 16 xe)
 - + 26 xe Tracomeco B76D cho tuyến 21;
- Công ty đã hoàn thành đại tu toàn bộ 16 xe TB94 để thay thế 14 xe cho tuyến 8A, thay thế 2 xe cho tuyến 9B. Toàn bộ các xe đều vận hành ổn định sau đại tu.
- Đến cuối năm 2020, công ty có 85 xe vận doanh/ 101 xe kế hoạch. Chất lượng phương tiện ổn định, đáp ứng yêu cầu hoạt động dịch vụ xe buýt của công ty.
- Để chuẩn bị vận hành tuyến buýt 125, Công ty đã báo cáo HĐQT thủ tục để đầu tư mua mới 13 xe buýt GAZelle Next Citiline.
- Tổng giá trị đầu tư mua xe trong năm 2020 là 80,2 tỷ đồng.

c) Công tác quản trị:

- Tiếp tục giảm quy mô lao động gián tiếp và phụ trợ; Tăng cường sử dụng dịch vụ thuê ngoài đối với các hoạt động vệ sinh công nghiệp, bảo vệ.

Tính đến hết năm 2020, Tổng số lao động của Công ty là: 476 trong đó:

- + Lao động trực tiếp (CNLX và NVPV): 391 người
- + Lao động quản lý, gián tiếp và trực tiếp khác là: 56 người (gồm 14 thợ SC)
- + Lao động tại Chi nhánh dịch vụ: 29 người

- Tiếp tục quản trị nhiên liệu theo định mức giúp tiết kiệm chi phí và khuyến khích người lao động chăm sóc, giữ gìn phương tiện.
- Tiếp tục duy trì tổ chức lưu đêm phương tiện tại các vị trí gần đầu tuyến hoạt động, giúp giảm Km và thời gian huy động xe ra tuyến; giảm áp lực bãi đỗ xe;
- Đẩy mạnh công tác quản trị chất lượng dịch vụ và chăm sóc phương tiện; Việc giao trách nhiệm rõ ràng tới từng xe đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động trong việc duy trì chất lượng đoàn phương tiện; Ngoài ra, việc gắn trách nhiệm của đội ngũ kỹ thuật với chất lượng đoàn phương tiện cũng góp phần phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm của khối kỹ thuật – sửa chữa.
- Các giải pháp quản trị đã giúp công ty tiết kiệm chi phí trực tiếp sản xuất, chi phí quản lý - gián tiếp, qua đó giảm bớt khó khăn tài chính cho công ty trong bối cảnh bị tác động nặng nề bởi đại dịch Covid.

3. MẢNG DỊCH VỤ SỬA CHỮA Ô TÔ

- Trung tâm hoạt động ổn định với 29 lao động.
- Chi nhánh đã ổn định mô hình dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và duy trì được một số khách hàng là những doanh nghiệp vận tải lớn. Tuy nhiên chi nhánh vẫn chưa định hình rõ được phân khúc thị trường xe con phù hợp để tập trung phát triển;
- Doanh thu hoạt động: 12,04 tỷ đồng, chỉ đạt 93% kế hoạch cả năm. Sự sụt doanh thu so với kế hoạch có nguyên nhân chủ yếu từ tác động của đại dịch Covid-19. Khách hàng đã chủ động cắt giảm chi phí bảo dưỡng sửa chữa do bị cắt giảm dịch vụ vận tải và giai đoạn ngừng dịch vụ theo yêu cầu giãn cách xã hội (đợt tháng 4/2020) đã khiến doanh thu sụt giảm khoảng 10-15% cả năm.

4. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

- Năm 2020, Công ty đã rất khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch doanh thu do tác động bởi đại dịch Covid-19 và chính sách miễn phí xe buýt cho người cao tuổi.. Năm 2021 vẫn là năm tiếp tục khó khăn trong việc thực hiện chỉ tiêu doanh thu từ hành khách đi xe do tiếp tục chịu tác động mạnh của đại dịch Covid-19 kéo dài và hệ quả của chính sách miễn phí đi xe buýt cho người cao tuổi của Thành phố.
- Trong năm 2020, công ty đã trả nợ gốc (khoản vay đầu tư) là 13,38 tỷ đồng; trả 9,56 tỷ tiền lãi vay; Tính tới cuối năm 2020, Công ty còn nợ 106 tỷ VNĐ (*trong đó vay ngắn hạn là 33 tỷ VNĐ, vay dài hạn là 73 tỷ VNĐ*).
- Công ty đã hoàn thành cơ bản công tác tái cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị để nâng cao hiệu quả SXKD. Công ty cần tiếp tục đào tạo nâng cao chất lượng lao động nhằm phát huy hiệu quả trong những năm tiếp theo.
- Về thị trường, trong năm 2020 Công ty chỉ phát triển thêm 1 tuyến buýt mới. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, Công ty cần tiếp tục nghiên cứu phát triển thêm 2-3 tuyến trên cơ sở cân đối nguồn tài chính và điều kiện thị trường.
- Về tài chính, Công ty gặp khó khăn rất lớn trong năm. Ảnh hưởng lớn nhất là khó khăn tạo ra từ đại dịch Covid 19 và sự tác động của chính sách miễn phí xe buýt cho người cao tuổi dẫn tới tình trạng thiếu hụt doanh thu hành khách so với yêu cầu của hợp đồng thuê xe buýt. Ngoài ra, việc vướng mắc cơ chế hợp đồng Quý I đã khiến dòng tiền lớn của công ty bị chậm 9 tháng, dẫn tới việc Công ty phải huy động tăng cường nguồn vốn tín dụng dẫn đến chi phí lãi vay tăng cao. Bằng việc triển khai nhiều giải pháp, công ty đã vượt qua khó khăn tài chính, bảo toàn được vốn và ổn định sản xuất kinh doanh trên cơ sở nỗ lực tối đa trong việc cắt giảm chi phí và thực hành các giải pháp khuyến khích tiết kiệm..
- Trong năm 2021, Công ty sẽ còn gặp nhiều khó khăn về tài chính cũng như về khả năng thực hiện kế hoạch doanh thu. Tuy nhiên, vẫn phải quan tâm tìm kiếm cơ hội thị trường để phát triển quy mô công ty.

II. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021:

1. Bối cảnh SXKD năm 2021

- Năm 2021, Công ty tiếp tục gặp áp lực lớn về chi phí và dòng tiền:

+ Tổng nợ vay là 106 tỷ tính đến 31/12/2020. Trong năm 2021 Công ty tiếp tục phải tăng thêm nguồn vốn tín dụng để đầu tư mua mới phương tiện cho tuyến 125.

+ Tổng chi phí lãi vay năm 2021 ước 9,575 tỷ đồng

+ Dự kiến trả gốc tiền vay là 16,1 tỷ VNĐ.

- Ngoài ra, do ảnh hưởng của điều kiện khách quan nên việc thực hiện chỉ tiêu sản lượng hành khách tiếp tục rất khó khăn. Việc này đòi hỏi sự phối hợp của cả hệ thống xe buýt để cùng kiến nghị tháo gỡ từ cơ quan QLNN.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	KH 2021	% KH21/TH2020
I	SẢN LƯỢNG BUÝT				
1	Số lượt	lượt	379,208	452,161	119.24
2	Km hành trình	km	7,902,574.15	10,230,441.55	129.46
3	Sản lượng HK	HK	12,730,637	15,163,894	119.11
3.1	Khách vé lượt	HK	2,877,467	3,627,324	126.06
3.2	Khách vé tháng:	HK	9,853,170	11,536,570	117.08
II	DOANH THU		158,740,939,076	202,129,091,443	127.33
1	Doanh thu buýt		129,502,883,000	167,784,841,443	129.56
2	Doanh thu chi nhánh dịch vụ		12,040,069,692	20,444,250,000	169.80
3	Doanh thu khác	Đồng	17,197,986,384	13,900,000,000	80.82
III	CHI PHÍ	Đồng	160,968,274,088	201,230,648,570	125.01
1	Chi phí TT	Đồng	109,415,519,151	143,508,453,147	131.16
2	Chi phí khấu hao	Đồng	28,610,477,656	31,400,770,183	109.75
3	Chi phí lãi vay	Đồng	9,566,740,837	9,575,000,000	100.09
4	Chi phí quản lý	Đồng	8,811,577,316	11,163,369,460	126.69
5	Chi phí gián tiếp	Đồng	4,563,959,128	5,583,055,780	122.33
IV	Thu nhập khác	Đồng	2,693,349,091	50,000,000	1.86
V	Chi phí khác	Đồng	119,861,885	10,000,000	8.34
VI	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	346,152,194	938,442,873	271.11
VII	Hiệu quả (LN+KH)	Đồng	28,956,629,850	32,339,213,056	111.68

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm

3.1. Về dịch vụ xe buýt:

- Duy trì các tuyến buýt hiện có, tiếp tục hợp lý hóa luồng tuyến (9A, 8B) vừa để tăng khả năng phục vụ, vừa tăng sản lượng hành khách.
- Mở thêm 2 tuyến buýt mới (buýt nhỏ) với lộ trình phù hợp với địa bàn của Công ty và bám theo kế hoạch của QLNN (QIII và QIV/2021).
- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, thu hút khách trên các tuyến buýt của Công ty để giảm sự thiếu hụt so với kế hoạch sản lượng/ doanh thu vé lượt.

3.2 Về dịch vụ sửa chữa ô tô:

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị nhằm tăng sản lượng khách hàng, doanh thu. Phân tích, đánh giá để sàng lọc, lựa chọn phân khúc thị trường phù hợp nhằm nâng cao tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu.
- Tìm kiếm các cơ hội mới theo hướng nâng cấp chất lượng dịch vụ để phục vụ phân khúc khách hàng cao cấp hơn nhằm nâng cao lợi nhuận từ chi nhánh.
- Tiếp tục hợp tác với các đơn vị có uy tín về dịch vụ chăm sóc ô tô nhằm gia tăng hình ảnh dịch vụ, góp phần thu hút khách hàng.

3.3 Về quản trị Công ty:

- Tiếp tục cải tiến cơ chế, chính sách người lao động nhằm khuyến khích ý thức, năng lực và kết quả làm việc của người lao động;
- Đầu tư cho hoạt động đào tạo nguồn nhân lực và quản trị nội bộ để xây dựng bộ máy làm việc hiệu quả, gắn kết giá trị người lao động với mục tiêu của Công ty.
- Tiếp tục sàng lọc nhân sự; Tuyển dụng bổ sung nhân sự phù hợp;
- Tiếp tục cải tiến hệ thống quy trình, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật;
- Tăng cường kiểm soát chất lượng nội bộ; Đề cao văn hóa dịch vụ khách hàng.

Trân trọng báo cáo!

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

DỰ THẢO



**QUY CHẾ
LÀM VIỆC TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh;

Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh xây dựng Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ) với những nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định trách nhiệm và chế độ làm việc của Cổ đông và đại diện ủy quyền của Cổ đông (sau đây gọi là “Đại biểu”) tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi chung là cuộc họp), của Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu và Ban Kiểm phiếu; cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp.

Phạm vi áp dụng: Quy chế này được áp dụng để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ liên Ninh.

Điều 2. Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có sự tham dự của số Đại biểu đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội được tiến hành thông qua tại địa điểm tổ chức cuộc họp đã được thông báo tới cổ đông.

2. Trường hợp không có đủ số lượng Đại biểu cần thiết để tổ chức Đại hội lần đầu, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo sẽ được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai này chỉ được tiến hành khi có sự tham dự của số thành viên là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông chốt ngày **23/3/2021** do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp theo quy định đều có quyền tham dự cuộc họp.

Điều 4. Quy định về ủy quyền

Cổ đông có thể ủy quyền (*theo mẫu quy định của Công ty*) cho người khác thay mặt mình tham dự cuộc họp (phát biểu và biểu quyết theo Chương trình họp) cụ thể:

- Cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho duy nhất một (01) người đại diện thay mặt tham dự cuộc họp. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền để tham dự cuộc họp và phải xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện.

- Người nhận ủy quyền có thể tham dự trực tiếp tại địa điểm họp đã được thông báo tới cổ đông.

- Việc ủy quyền chỉ được coi là có hiệu lực pháp lý khi Công ty có nhận được giấy ủy quyền bản chính có điền đầy đủ thông tin của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền (*theo mẫu của Công ty*) trước giờ khai mạc cuộc họp.

Điều 5. Khách mời tại địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Để đảm bảo sự thành công của cuộc họp ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị quản Công ty quyết định thành phần, số lượng khách mời (*không phải là cổ đông*) tham dự, hỗ trợ công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ. Khách mời chỉ được tham gia phát biểu ý kiến khi được Chủ tọa mời hoặc có đăng ký trước với BTC và được Chủ tọa Đại hội đồng ý.

Điều 6. Đại biểu trực tiếp tham dự tại địa điểm tổ chức Đại hội phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Có mặt đúng giờ, trang phục lịch sự, mang giấy tờ tùy thân để xuất trình khi có yêu cầu và tuân theo sự điều hành của BTC.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp phải mang theo bản gốc CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu; Bản chính Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty hoặc văn bản giao đại diện vốn của Nhà nước.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp. Kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết hợp lệ trước khi Đại biểu đến tham dự muộn sẽ không bị ảnh hưởng.

- Tuân thủ các quy định của BTC và chủ tọa điều hành cuộc họp;

Điều 7. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch là một trong các thành viên trong HĐQT và Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2. Đoàn chủ tịch có nhiệm vụ:

- Điều hành cuộc họp theo đúng nội dung. Chương trình làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp và theo quy định tại Quy chế này. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số.

- Hướng dẫn Cổ đông thảo luận, biểu quyết theo nội dung Chương trình và Quy chế làm việc đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Trả lời những vấn đề do Cổ đông yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình diễn ra cuộc họp.

- Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển các cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo Chương trình đã được thông qua.

- Quyết định hoãn cuộc họp không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8: Thư ký cuộc họp

1. Thư ký cuộc họp do Đoàn chủ tịch/ Chủ tọa cuộc họp cử. Thư ký cuộc họp tuân thủ sự điều hành của Đoàn chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, Cổ đông về nhiệm vụ được giao.

2. Thư ký cuộc họp có nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp và những vấn đề đã được Cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý.

- Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố Dự thảo các kết luận, Biên bản, Nghị quyết cuộc họp để các Cổ đông biểu quyết thông qua.

- Tiếp nhận, rà soát các Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của các Cổ đông và chuyển Đoàn Chủ tịch xem xét quyết định.

Điều 9: Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự cuộc họp:

1. Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự cuộc họp do HĐQT Công ty quyết định và chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, Cổ đông về nhiệm vụ được giao.

2. Ban thẩm tra tư cách đại biểu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra điều kiện tham dự cuộc họp của Cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông theo quy định.

- Hướng dẫn Cổ đông nhận tài liệu từ Ban tổ chức (nếu có).

- Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về tình hình Cổ đông tham dự để tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định.

Điều 10: Ban kiểm phiếu.

1. Ban Kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch/ Chủ tọa cuộc họp giới thiệu và được Cổ đông bầu bằng hình thức giơ tay tại cuộc họp.

2. Ban Kiểm phiếu làm việc theo nguyên tắc khách quan, trung thực và đúng quy định. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, Cổ đông về nhiệm vụ được giao.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Phát và hướng dẫn Cổ đông cách thức biểu quyết tại cuộc họp theo Quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả biểu quyết tại cuộc họp.

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông, Đoàn chủ tịch những trường hợp vi phạm cách thức biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại liên quan đến công tác kiểm phiếu, kết quả kiểm phiếu.

- Lập Biên bản kiểm phiếu.

Điều 11: Phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Đại biểu tham dự tại địa điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được thông qua hoặc ý kiến bằng văn bản cho Thư ký tổng hợp báo cáo Chủ tọa. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho Đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của Đại biểu tại cuộc họp hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

Điều 12: Thể lệ biểu quyết.

Việc biểu quyết, thông qua các nội dung theo Chương trình họp được tiến hành qua 02 phương thức sau:

- Giơ tay tại cuộc họp: Hình thức giơ tay được áp dụng để thông qua Chương trình họp, Quy chế làm việc, Biên bản, Nghị quyết cuộc họp... Đại biểu thực hiện theo sự điều hành, hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch.

- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết tại cuộc họp (được áp dụng để biểu quyết đối với các báo cáo, tờ trình theo Chương trình họp) hoặc biểu quyết trên hệ thống trực tuyến (áp dụng đối với tất cả các nội dung theo Chương trình họp).

a) Các quy định chung về biểu quyết.

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết;

- Đối với Đại biểu tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp: Mỗi Đại biểu đến tham dự họp sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát cho một (01) ‘Phiếu biểu quyết’ có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết đối với các báo cáo, tờ trình trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Thể thức biểu quyết và tính hợp lệ

*** Đối với Đại biểu tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp:**

- Đại biểu đánh dấu “X” hoặc “V” vào 01 trong 03 phương án: Tán thành hoặc không tán thành hoặc không ý kiến với từng vấn đề lựa chọn được ghi trên Phiếu biểu quyết.

- Biểu quyết được coi là không hợp lệ:

+ Đại biểu không chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không ý kiến” hoặc chọn từ 02 phương án trở lên đối với vấn đề cần biểu quyết.

+ Đại biểu biểu quyết quá số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của mình.

+ Phiếu biểu quyết không theo mẫu do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu treo của Công ty; Phiếu rách, nát hoặc có viết thêm ký hiệu: Phiếu gạch xóa, sửa chữa.

c) Kết quả biểu quyết

Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ chỉ được thông qua khi có số Cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cơ phần có quyền biểu quyết của tất cả Đại biểu dự họp chấp thuận. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết khác được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.

Điều 13. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại cuộc họp, Đại hội đồng Cổ đông sẽ thông qua kết quả kiểm phiếu do Ban kiểm phiếu công bố;

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

- Phiếu biểu quyết sau khi kiểm sẽ được lưu giữ theo quy định

Điều 14. Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký ghi vào biên bản.

2. Những nội dung thuộc Chương trình họp đã được các Cổ đông biểu quyết thông qua phải được phản ánh trong Nghị quyết.

3. Biên bản và Nghị quyết phải được các Cổ đông biểu quyết thông qua tại cuộc họp mới có hiệu lực thi hành.

Điều 15: Hiệu lực của Quy chế:

Quy chế này đã được công bố công khai trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thông qua cho đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Xuân Phú

Hà Nội, ngày tháng năm 2021.

DỰ THẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT
TẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh;
- Căn cứ Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty lập ngày 29/3/2021, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam- Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội Cổ đông về hoạt động giám sát, kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát trong năm 2020 với các nội dung như sau:

1. Đánh giá và nhận xét báo cáo tài chính và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

1.1 Về Báo cáo Tài chính năm 2020:

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kết luận: “Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

1.2 Về kết quả kiểm tra thực hiện công tác kế toán:

- Công tác Tài chính kế toán của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý.
- Hệ thống chứng từ kế toán được lập, lưu giữ đầy đủ và cẩn thận.
- Tất cả chứng từ gốc đều có đầy đủ tính pháp lý, trung thực và rõ ràng.
- Hạch toán chính xác các nghiệp vụ phát sinh.

- Doanh thu, chi phí được kiểm soát chặt chẽ và ghi nhận đầy đủ theo từng loại hình kinh doanh, theo từng tuyến buýt.

- Các chỉ tiêu và nội dung trong báo cáo tài chính được lập theo đúng quy định theo chuẩn mực kế toán hiện hành, phản ánh trung thực tình hình Tài chính cũng như kết quả SXKD của Công ty.

1.3. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH nghị quyết 2020	Thực hiện	Tăng giảm	TH/ KH 2020 (%)	TH 2019/TH 2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(6)/(4)	(8)
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	164.689	160.822	-3.867	98%	87%
2	Chi phí	Tr. đồng	164.576	160.476	-1.100	98%	96%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	113	346	233	306%	12%

. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu năm 2020 đạt 98 % so với kế hoạch tương đương giảm 3,867 triệu đồng và giảm 13 % so với thực hiện năm 2019. Doanh thu từ dịch vụ buýt giảm 19% so với với cùng kỳ năm 2019. Doanh thu sửa chữa Trần Vỹ năm nay là 11,4 triệu đồng đạt 175% so với cùng kỳ năm 2019.

- Tổng chi phí là 160,476 triệu đồng giảm 4,3 % so với cùng kỳ năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 346 triệu đồng đạt 306 % chỉ tiêu kế hoạch Nghị quyết năm 2020 .

Tình hình khó khăn do đại dịch Covid-19 ảnh hưởng tới các ngành nghề trong xã hội không ngoại trừ ngành vận tải, VTHK công cộng bằng xe buýt phải ngừng hoạt động 25 ngày do giãn cách xã hội, 11 ngày giảm 80% tần suất hoạt động dẫn đến sản lượng và doanh thu bị sụt giảm mạnh tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động của Công ty.

. Về phương án phân phối lợi nhuận:

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Công ty đạt là 280 triệu đồng. Phương án phân phối lợi nhuận sẽ được Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Về kết quả một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty năm 2020.

**** Với các số liệu như trên BKS có thể nhận xét như sau:***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2019	TH 2020 /TH 2019
1	Cơ cấu tài sản				
1.1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	70,05	62,92	111%
1.2	Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	29,95	37,08	81%
2	Cơ cấu nguồn vốn				
2.1	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	75,29	62,00	121%
2.2	Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	24,71	38,00	65%
3	Khả năng thanh toán				
3.1	Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn-hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,89	1,32	67%
3.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tổng tài sản/ Nợ ngắn hạn)	Lần	3,03	3,67	83%
3.3	Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,91	1,36	67%
4	Hiệu quả				
4.1	ROA (Tỉ suất LN sau thuế / Tổng TS)	%	0,13	1,54	8%
4.2	ROE (Tỉ suất LN sau thuế / Vốn CSH)	%	0,52	4,06	13%
4.3	ROS (Tỉ suất LN sau thuế / Doanh thu)	%	0,18	1,19	15%

. Về các chỉ tiêu Tài chính

- Về tài sản: Tài sản dài hạn năm 2020 đạt 142% chủ yếu do trong năm mua mới 12 xe buýt (16,7 tỷ) cho tuyến buýt 37, 14 xe buýt (24,1 tỷ) cho tuyến buýt 21A và 12 xe buýt (20,7 tỷ) cho tuyến buýt 21B.

- Tỉ trọng nợ phải trả ngắn hạn /Vốn chủ sở hữu là 133% , gấp 1,3 lần như vậy công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

- Các chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán nhanh và thanh toán hiện thời năm 2020 đều giảm so với năm 2019. Do nhà nước chậm thanh toán quý I/2020 cho các tuyến buýt đặt hàng nên khả năng thanh toán của dòng tiền kém, tuy nhiên cho đến cuối tháng 1/2021 Liên ngành phê duyệt cấp trợ giá cho quý I/2020 thì dòng tiền của công ty được bảo toàn ổn định.

2. Báo cáo công tác hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020:

2.1. Kết quả hoạt động chung của Ban Kiểm soát:

- Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện điều hành công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, của Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh.

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.

- Trong năm ban Kiểm soát đã nhận được Nghị Quyết, Quyết định, Quy chế, Báo cáo Tài chính từ Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đầy đủ và kịp thời.

- Năm 2020 Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến nào của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên bằng văn bản yêu cầu xem xét về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng như sự điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

2.2. Nhiệm vụ và trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát:

1. Đ/C Nguyễn Minh Chi: Trưởng ban kiểm soát

+ Phụ trách và điều hành hoạt động chung của ban.

+ Giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, BGD.

+ Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

+ Kiểm soát hoạt động SXKD của công ty, tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ so với kế hoạch được giao, thẩm tra các chỉ tiêu tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty.

+ Thẩm định BCTC hàng năm và lập Báo cáo thẩm định trình ĐHĐCĐ.

2. Đ/C Nguyễn Thị Ngoan: Thành viên ban kiểm soát

+ Kiểm soát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của công ty.

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong công tác kế toán.

+ Phối hợp kiểm soát hoạt động kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính, lập báo cáo trình ĐHĐCĐ.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

3. Đ/C Nguyễn Thị Hạnh: Thành viên ban kiểm soát

+ Theo dõi, kiểm soát tình hình thực hiện các dự án theo kế hoạch, đánh giá hiệu quả thực hiện dự án.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

- Hoạt động của BKS trong năm đã tuân thủ theo đúng pháp luật và điều lệ của công ty.

- Trong năm BKS đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành viên. Ngoài ra BKS thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua điện thoại, email để đảm bảo hoạt động được liên tục, kịp thời và đạt kết quả tốt.

3. Đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội Đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị quản lý, chỉ đạo hoạt động của công ty theo đúng Điều lệ của công ty, Nghị quyết của Đại hội Cổ đông đề ra theo đúng pháp luật.

- Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc triển khai thực hiện kế hoạch năm 2020, giao xây dựng kế hoạch năm 2021.

- Ban hành các quyết định mang tính định hướng hoạt động của công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Đánh giá công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc luôn tuân thủ Điều lệ của công ty, Nghị quyết Đại hội Cổ đông, Quyết định của Hội đồng Quản trị.

- Ban Giám đốc luôn chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của nhà nước liên quan đến các hoạt động kinh doanh, các kế hoạch tham gia đấu thầu các tuyến buýt chuyên từ đặt hàng sang đấu thầu, mở thầu tuyến buýt mới.

- Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và những nỗ lực của CBCNV, Ban Giám đốc đã điều hành công ty ứng phó với các bất ổn của đại dịch Covid-19 duy trì hoạt động công ty ổn định phần đầu mức cao nhất có thể các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng.

5. Đánh giá các hoạt động khác

- Thù lao của HĐQT, BKS: Công ty đã thực hiện trích thù lao theo đúng mức đã được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua.

- Quỹ thưởng cho HĐQT, Ban KS, Ban Điều hành năm 2020 được thực hiện theo qui định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016.

- Về trích lập các quỹ và chia cổ tức: Công ty đã trích lập các quỹ năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2020.

6. Phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty trong việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội Cổ đông .

- Kiểm tra tính hợp lý hợp lệ trong công tác kế toán.

- Thẩm định đánh giá báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, hàng năm của Công ty, kiểm soát tình hình quản lý sử dụng vốn.

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của thành viên Ban kiểm soát, đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban SXKD, các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động SXKD của công ty, kịp thời đánh giá, khuyến nghị góp phần bảo đảm hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh an toàn, hiệu quả và tuân thủ pháp luật.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra của Ban Kiểm soát báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 .

**T/M BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Minh Chi



DỰ THẢO**DỰ THẢO TỔ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

V/v Hội đồng qua tổng mức thù lao, mức thưởng, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát”

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/ 6/2020 và các văn bản liên quan;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh;

HDQT Công ty có 05 người và BKS có 03 người, thư ký Công ty 01 người;

Để đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, căn cứ vào Kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch Vụ Liên Ninh năm 2021 và các quy định của Nhà nước, Công ty xin báo cáo tổng mức thù lao của HDQT và BKS năm 2020 và đề xuất tổng mức thù lao của HDQT và BKS năm 2021, như sau:

I- Tổng mức thù lao:

Tổng mức thù lao	Báo cáo thù lao 2020	Đề xuất thù lao 2021
Hội đồng Quản trị	132.000.000 đ	132.000.000 đ
Ban Kiểm soát	48.000.000 đ	48.000.000 đ
Thư ký Công ty	12.000.000 đ	12.000.000 đ
Tổng số	192.000.000 đ	192.000.000 đ

Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

II- Tổng mức thưởng:

1. Nguyên tắc xét thưởng: Chỉ áp dụng khi hoàn thành đạt mức chỉ tiêu về Doanh thu và Lợi nhuận của năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Mức thưởng bao gồm 2 phần:

***/ Phần ứng với đạt chỉ tiêu lợi nhuận:** Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng từ 0,5% đến 1% lợi nhuận sau thuế và các khoản phải nộp khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

***/ Phần vượt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế và các khoản phải nộp khác:**

LN (sau thuế và các khoản phải nộp) trong năm thực hiện) – LN (sau thuế và các khoản phải nộp) trong năm kế hoạch: Tổng mức thưởng cho các thành viên HDQT

và Ban kiểm soát không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và các khoản phải nộp khác đã đạt được trong năm.

III- Ngân sách hoạt động:

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh từ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

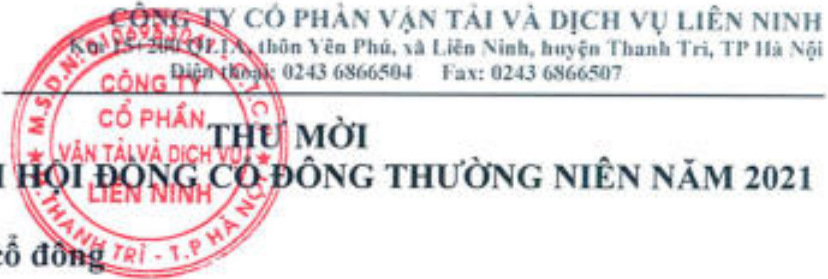
Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua:

1. Tổng mức thù lao, mức thưởng và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021.
2. Giao Hội đồng Quản trị quyết định mức thù lao, thưởng cụ thể (nếu có) cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Xuân Phú



**THƯ MỜI
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- 1. Thời gian: 09 giờ 00 ngày 23 tháng 04 năm 2021**
- 2. Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh, Km 15+200 QL1A, Yên Phú, Liên Ninh, Thanh Trì, TP HN
- 3. Nội dung Đại hội:** (Chi tiết trong chương trình Đại hội đính kèm Thông báo này)
- 4. Thành phần tham dự Đại hội:**

4.1. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh tại ngày chốt danh sách họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23/3/2021

4.2. Trường hợp cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội (hoặc Hội đồng Quản trị). Người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền (theo mẫu gửi kèm) và CMND/CCCD/ Hộ chiếu khi vào dự họp.

5. Đăng ký tham dự Đại hội:

5.1. Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị quý cổ đông xác nhận việc tham dự họp Đại hội (hoặc ủy quyền dự họp) trước 17 giờ, ngày 20 tháng 04 năm 2021 qua một trong các hình thức sau:

- Qua đường bưu điện, theo địa chỉ:

Ông Dương Minh Thắng – Thư ký HĐQT
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh
Km 15+200 QL1A, Yên Phú, Xã Liên Ninh, H.Thanh Trì, TP HN
Số điện thoại: 0974 228 833

- Gửi Email: thangdm1977@gmail.com

5.2. Quý cổ đông vui lòng tham khảo tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được đăng trên website: www.vantailienninh.vn

Lưu ý: Khi đến tham dự vui lòng mang theo Thư mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu hoặc Giấy xác nhận tham dự kèm theo Giấy ủy quyền.

Xin trân trọng kính mời!

Ngày 31 tháng 03 năm 2021
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Xuân Phú

DỰ THẢO

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH, NGÀY 23/4/2021**



TT	Dự kiến	Nội dung	Người thực hiện
1	08h30 -> 09h00	Đón tiếp, phát và hiệu cho Cổ đông dự Đại hội.	BTC, Ban thẩm tra tư cách CD
2	09h00 -> 09h10	Chào cơ, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.	Ban tổ chức
3	09h10 -> 09h15	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
4	09h15-> 09h25	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch Đại hội Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban thư ký, Ban kiểm phiếu	Ban tổ chức Đoàn chủ tịch
5	09h25 -> 09h35	Thông qua chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội.	Đoàn Chủ tịch
6	09h35 -> 09h45	Báo cáo của Hội đồng quản trị.	Hội đồng quản trị
7	09h45 -> 09h55	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.	Ban Kiểm soát
8	09h55 -> 10h10	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch SXKD 2021.	Giám đốc Công ty
9	10h10 -> 11h00	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021. Tờ trình thông qua p/án phân phối lợi nhuận 2020. Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021. Tờ trình dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty Tờ trình dự thảo sửa đổi Quy chế về Quản trị nội bộ Công ty Tờ trình dự thảo sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT Tờ trình dự thảo sửa đổi Quy chế hoạt động của BKS Tờ trình thông qua việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2021. Tờ trình về chủ trương đầu tư trong năm 2021.	Đoàn Chủ tịch
10	11h00-> 11h10	Thảo luận, biểu quyết, tổng hợp kết quả biểu quyết.	Đoàn chủ tịch, Ban KP
11	11h10-> 11h20	Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội.	Đoàn chủ tịch, Thư ký ĐH
12	11h20-> 11h30	Bế mạc Đại hội.	Ban tổ chức

DỰ THẢO

DỰ THẢO TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

“Về Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và trích lập các quỹ”

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/ 6/2020 và các văn bản liên quan;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh;
Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2020, báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán,

Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, phân chia cổ tức năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	346.152.194
2	Thuế TNDN phải nộp	Đồng	65.273.860
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Đồng	280.878.334
4	Phân phối lợi nhuận	Đồng	280.878.334
4.1	Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	Đồng	28.087.833
4.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST)	Đồng	28.087.833
4.3	Lợi nhuận để lại năm trước chuyển sang		1.058.924.277
4.4	Lợi nhuận chia cổ tức		1.283.626.944
	Tỷ lệ chia cổ tức	%	2,3
	Đề xuất chia cổ tức	Đồng	1.150.000.000
5	Lợi nhuận chuyển năm sau	Đồng	133.626.944

Sau khi phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức được Đại hội thông qua, giao cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, triển khai thực hiện vào thời điểm thích hợp trong năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Xuân Phú

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH**

Thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Kể từ ngày 01/01/2021, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có hiệu lực thi hành.

Với các quy định tại các văn bản này, yêu cầu các Công ty Cổ phần phải dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại các cuộc họp gần nhất.

Thi hành và tham chiếu các quy định của Pháp luật, căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh đã thống nhất xây dựng điều lệ và các Quy chế sau:

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty

(Có dự thảo các văn bản gửi kèm)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Xem xét thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ và các Quy chế nêu trên
2. Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo các bộ phận liên quan điều chỉnh theo các nội dung đã được các Cổ đông đóng góp và nhất trí thông qua *(nếu có)*

Kính trình cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Xuân Phú